

Bản án số: 109/2021/HS-ST

Ngày: 18-10-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tường Linh

Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lý

Ông Võ Thành Viên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Quách Diệp Nguyệt Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2021 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 116/2021/HSST ngày 17/06/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2021/QĐXXST-HS ngày 28/09/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh T; Giới tính: Nữ; sinh năm 1975 tại Thành phố Hà Nội; Hộ khẩu thường trú: phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội; Nơi cư trú: đường Nguyễn Cửu Phú, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Con ông Nguyễn Đình S và bà Trần Thị T; Hoàn cảnh gia đình: Có chồng tên Bùi Quốc H, có 03 người, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2009; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 02/4/202 đến ngày 31/05/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông, Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1994, nơi cư trú: đường 53, phường 14, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/12/2020, Công an phường 14, quận Gò Vấp tiếp nhận nguồn tin về tội phạm của anh Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1994, Nơi cư trú: đường 53, phường 14, quận Gò Vấp, nội dung tố cáo Nguyễn Thanh T và Bùi Đình T có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Do đó, lúc 10 giờ ngày 30/03/2021, Bùi Đình T đi cùng Nguyễn Thị T, P và Lý Thanh B đến nhà anh Nguyễn Hoàng V, số 14/32/90 đường 53, phường 14, quận Gò Vấp để đòi nợ thì bị lực lượng trinh sát Đội CSHS kết hợp với Công an phường 14, Gò Vấp mời về trụ sở làm việc. Tang vật thu giữ gồm: 01 hợp đồng vay tiền ngày 28/22/2020. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp tại nơi ở của Bùi Đình T và Nguyễn Thanh T thu giữ 04 giấy vay tiền và 01 hợp đồng vay tiền (bút lục 43-66).

Tại Cơ quan điều tra, T thừa nhận toàn bộ hành vi cho vay lãi nặng của bản thân và khai nhận bắt đầu cho bà Nguyễn Thị Ngọc C (mẹ của V) vay tiền nhưng Việt đại diện bà C đứng ra vay và chịu trách nhiệm trả nợ. từ đầu tháng 11/2020 cho đến ngày bị bắt. Cụ thể: Ngày 10/11/2020, T và T đến nhà của bà Nguyễn Thị Ngọc C (mẹ của V) và V để làm thủ tục cho vay tiền. Trước khi viết giấy vay tiền thì T thỏa thuận bằng miệng với bà C và V về tiền lãi và phí dịch vụ như sau: Nếu vay 200.000.000 đồng thì 100.000.000 đồng trả tiền góp trong vòng 25 ngày, mỗi ngày đóng 5.000.000 đồng và 100.000.000 đồng trả tiền lãi đúng trong vòng 30 ngày, lãi suất 30%/tháng, cứ 05 ngày đóng tiền lãi 01 lần (tức đóng 06 lần) lần đóng tiền lãi cuối cùng thì phải tất toán số tiền gốc. Phí dịch vụ là 10% trong tổng số tiền vay, T lấy trước 02 ngày tiền góp và 05 ngày tiền lãi đúng tổng là 35.000.000 đồng thì chị C và V đồng ý. Sau đó T đọc cho V ghi nội dung giấy vay tiền thể hiện số tiền: 255.000.000 đồng (tức là T tính tổng tiền lãi đúng và tiền lãi trả góp vào trong đó), nhưng trong giấy vay tiền thì T nhờ T đứng tên người cho vay do T thường xuyên phải đi xa để phòng khi khách trả tiền mặt thì nhờ T lấy dùm. Sau khi viết xong giấy nợ xong tại nhà chị C địa chỉ trên, T đã chuyển số tiền: 165.000.000 đồng (số tiền này đã thỏa thuận trừ phí và tiền lãi trước như đã nêu trên) từ tài khoản của T số: 19024884498012 Ngân hàng Techcombank vào tài khoản của Việt số: 060243841707 Ngân hàng Sacombank thông qua dịch vụ Internet Banking. Sau khi chuyển khoản thành công thì T và T ra về mang theo giấy vay tiền về nhà T cất giữ.

Theo thỏa thuận giữa bên cho vay và bên vay thì hàng ngày V phải trả số tiền góp 5.000.000 đồng/ngày trong thời hạn 25 ngày và lãi đúng là 05 ngày (01 kỳ) đóng tiền 01 lần (5.000.000 đồng/kỳ) trong thời hạn 30 ngày (06 kỳ) trả đủ tiền gốc và tiền lãi kì cuối cùng thì tất toán. Do V cần thêm tiền để kinh doanh nên T yêu cầu V phải tất toán số tiền gốc và lãi trước đó nên V đồng ý. Thay vì thời hạn vay trả góp 100.000.000 đồng là 25 ngày nhưng 17 ngày V đã tất toán được đây trả góp cho T gồm tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi là 25.000.000 đồng. Còn thời hạn trả tiền lãi đúng 100.000.000 đồng là 30 ngày nhưng 17 ngày V đã trả đủ số tiền lãi 30.000.000 đồng cho T và nợ lại số tiền gốc.

Trong thời gian từ ngày 10/11/2020 đến ngày 26/11/2020, T cho V vay số tiền góp là 100 triệu đồng với mức lãi suất 44%/tháng tương đương với

528%/năm (gấp 26,4 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà Nhà nước quy định) và 100 triệu đồng với lãi đúng, mức lãi suất 30%/tháng tương đương với 360%/năm (gấp 18 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà Nhà nước quy định). Tổng số tiền cho vay là 200 triệu đồng, T đã thu tiền lãi là 55.000.000 đồng (trừ đi số tiền lãi hợp pháp là 20%/năm theo quy định của pháp luật cho phép là 1.873.400 đồng), tổng số tiền lãi nặng T đã thu lợi bất chính là 53.126.600 đồng. Cụ thể: Trong đó, cho V vay tiền góp 100 triệu đồng trong thời gian từ ngày 10/11/2020 đến ngày 16/11/2020 (thời gian vay 17 ngày), số tiền lãi đã thu là 25.000.000 đồng, tiền lãi pháp luật cho phép là 929.900 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính là 24.070.100 đồng. V đã trả toán được khoản vay này trả đủ số tiền gốc 100 triệu đồng và tiền lãi 25.000.000 đồng. T cho V vay tiền lãi đúng 100 triệu đồng trong thời gian từ ngày 10/11/2020 đến ngày 16/11/2020 (thời gian vay 17 ngày), số tiền lãi đã thu là 30.000.000 đồng, tiền lãi pháp luật cho phép là 943.500 đồng. Số tiền lãi thu lợi bất chính là 29.056.500 đồng. V đã trả đủ số tiền lãi 30.000.000 đồng, chưa trả được số tiền gốc 100 triệu đồng. Tổng số tiền T thu lợi bất chính gồm: tiền lãi là 53.126.600 đồng + tiền phí dịch vụ 10% do T nài ra (20.000.000 đồng) = 73.126.600 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 28/11/2020 T còn ký hợp đồng cho V tiếp tục vay số tiền 800 triệu đồng (có công chứng) nhưng thực tế chỉ cho vay 400 triệu, với mức lãi suất là 30%/01 tháng tương đương 360%/năm (gấp 18 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà Nhà nước quy định). Tổng số tiền lãi mà T đã thực thu là 75 triệu đồng (trong đó có 60 triệu đồng T đã căn trừ vào số tiền vay 400 triệu đồng và 15 triệu đồng V đã trả lãi cho T), trừ đi số tiền lãi hợp pháp là 20%/năm theo quy định của pháp luật cho phép là 4.157.200đ. Số tiền T thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng là 70.842.800đ + phí dịch vụ không có thật do T nài ra để lấy 10% khi vay 400 triệu đồng là 40 triệu đồng = 110.842.000đ. Tổng cộng T cho V vay 02 lần tiền với mức lãi suất như đã nêu trên, Thuỷ thu lợi bất chính là 73.126.000 đồng + 10.842.000đ = 183.969.400đ.

Lời khai của T phù hợp với lời khai của anh Nguyễn Hoàng V, bà Nguyễn Thị Ngọc Cẩm và các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ. Do biết hoạt động kinh doanh của V gặp khó khăn nên thông qua người môi giới (không rõ họ tên lai lịch) T điện thoại cho bà C và V đặt vấn đề cho vay với lãi đúng 30%/tháng và vay trả góp với lãi suất 44%/tháng và được bà C và V đồng ý và thỏa thuận V đại diện bà Cẩm đứng ra vay và chịu trách nhiệm trả nợ cho T như đã nêu trên (bút lục 72-85).

Đối với T, kết quả điều tra đã xác định: T chỉ là người đứng tên trong 02 hợp đồng vay tiền dùm cho T (do T và T là bà con). T không nói cho T biết việc cho vay lãi nặng. T khai không tham gia góp vốn, không biết việc cho vay lãi nặng và không có hưởng lợi từ việc đứng tên hợp đồng vay tiền dùm T, bị hại V khai phù hợp với lời khai của T và T. Mọi giao dịch vay tiền và thỏa thuận về lãi suất chỉ có V và T biết, T không tham gia nên không đủ cơ sở xác định T là đồng phạm trong vụ án này (bút lục 103-112).

Đối với Nguyễn Thị Thúy P và Lý Thanh B là những người quen do T rủ đi cùng đến nhà T cho vui, P và B không biết việc T cho vay lãi nặng và cũng không đứng ra cho V vay tiền, bị hại V cũng không biết P và B nên không đủ căn cứ xác định P và B có liên quan đến vụ án (bút lục 94-102).

Vật chứng thu giữ gồm:

- 20.000.000 đồng (thu giữ tại nhà bị can T), gia đình bị can tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra để khắc phục tiền thu lợi bất chính. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Gò Vấp đang tạm giữ số tiền trên theo phiếu nhập kho số 85/PNK ngày 24/5/2021 (bút lục 217).

Tại bản cáo trạng số 116/CTr-VKS ngày 15 tháng 06 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát luận tội, đưa ra quan điểm xét xử và đề nghị Hội đồng xét xử

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 200.000.000 đến 300.000.000 đồng.
- Trả lại cho ông Nguyễn Hoàng V số tiền lãi cho vay trái pháp luật là 20.000.000 đồng;
- Truy thu số tiền gốc, từ ông Nguyễn Hoàng V là 330.000.000 đồng, đề sung vào ngân sách nhà nước.
- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T trả lại số tiền dịch vụ và lãi suất cho vay trái pháp luật cho người vay cụ thể là: Trả lại cho ông Nguyễn Hoàng V số tiền 142.969.400 đồng.
- Tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án các giấy vay tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Tại phiên tòa hôm nay, sau khi Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp công bố bản cáo trạng thì bị cáo Nguyễn Thanh T đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

[2] Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng thu giữ với kết luận điều tra của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Gò Vấp, với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp và với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được

trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở pháp lý để cho rằng bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 201 của Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước mà cụ thể ở đây là xâm phạm trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực tín dụng và trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ. Mặt khác, hành vi của bị cáo còn xâm phạm đến lợi ích của công dân, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, nợ nần chồng chất, không có khả năng trả nợ, ảnh hưởng đến đời sống gia đình, gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Đồng thời còn gây nên những hậu quả vật chất và phi vật chất cho xã hội và những thiệt hại về kinh tế, chính trị xã hội, Bị cáo đã ngang nhiên thực hiện hành vi phạm tội bất chấp hậu quả xảy ra thể hiện ý thức bị cáo rất xem thường pháp luật, nên việc xử lý bị cáo bằng biện pháp hình sự là hết sức cần thiết. Do bị cáo cho vay với mức lãi suất gấp 18 lần so với lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự, bị cáo T thu lợi bất chính 183.969.400 đồng (tổng cộng số tiền thu lợi từ người đi vay) nên Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp truy tố bị cáo theo khoản 2 điều 201 của Bộ luật hình sự là có cơ sở. vì vậy việc xử lý bị cáo bằng biện pháp hình sự là hết sức cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra và qua diễn biến phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả. Trong thời gian tại ngoại bị cáo không phạm tội mới, do bị cáo cho vay lãi nặng để thu lợi bất chính và qua đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đề nghị phạt tiền bị cáo để thu cho ngân sách nhà nước nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo T ra khỏi xã hội, xử dụng hình phạt chính là phạt tiền, phạt bị cáo số tiền thật lớn đối với tội phạm cho vay lãi nặng, để bị cáo sau này không dám tái phạm và tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước và qua đó thể hiện sự nhân đạo của pháp luật Việt Nam đối với người phạm tội lần đầu biết ăn năn hối cải

[5] Về hình phạt bổ sung được qui định tại khoản 3 điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử xét tính chất của vụ án và hoàn cảnh của bị cáo nên miễn phạt.

[6] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Đối với hợp đồng cho vay tiền Hội đồng xét xử quyết định tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án;

- Đối với số tiền 20.000.000 đồng bị cáo T nộp tại cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả cho số tiền lãi vay trái pháp luật, Hội đồng xét xử quyết định trả lại cho người vay là ông Nguyễn Hoàng V;

- Đối với số tiền lãi 6.030.600 đồng là tiền lãi tương ứng mức lãi suất 20%/năm, tuy không tính khi xác định trách nhiệm hình sự nhưng đây cũng là số

tiền phát sinh từ tội phạm mà có nên truy thu, buộc bị cáo T nộp lại ngân sách nhà nước.

- Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hoàng V vắng mặt nhưng qua hồ sơ ông V thừa nhận đang giữ số tiền gốc 02 đợt vay là 330.000.000 đồng chưa trả cho bị cáo T. Hội đồng xét xử xét đây là phương tiện phạm tội nên buộc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nộp lại để sung công quỹ nhà nước.

- Đối với khoản tiền lãi vượt quá 20% năm là khoản tiền mà bị cáo T thu của ông V và tiền dịch vụ cho vay trái pháp luật là 183.969.400 đồng, sau khi trừ số tiền 70.000.000 đồng bị cáo T chưa giải ngân cho ông V với lãi suất 30%/tháng là 21.000.000 đồng/tháng nên buộc bị cáo T trả lại cho người vay cụ thể là trả lại cho ông Nguyễn Hoàng V số tiền 162.969.400 đồng

- Đối với T, kết quả điều tra đã xác định: T chỉ là người đứng tên trong 02 hợp đồng vay tiền dùm cho T (do T và T là bà con). T không nói cho T biết việc cho vay lãi nặng. T khai không tham gia góp vốn, không biết việc cho vay lãi nặng và không có hưởng lợi từ việc đứng tên hợp đồng vay tiền dùm T, bị hại V khai phù hợp với lời khai của T và T. Mọi giao dịch vay tiền và thỏa thuận về lãi suất chỉ có V và T biết, T không tham gia nên không đủ cơ sở xác định T là đồng phạm trong vụ án này .

- Đối với Nguyễn Thị Thúy P và Lý Thanh B là những người quen do T rủ đi cùng đến nhà T cho vui, P và B không biết việc T cho vay lãi nặng và cũng không đứng ra cho Việt vay tiền, bị hại V cũng không biết P và B nên không đủ căn cứ xác định P và B có liên quan đến vụ án

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng

Buộc bị cáo nộp số tiền phạt 01 lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Áp dụng Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Trả lại cho ông Nguyễn Hoàng V số tiền 20.000.000 đồng;

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 85/PNK ngày 24/05/2021 của Công an quận Gò Vấp).

- Tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án các giấy vay tiền.

- Buộc bị cáo T nộp lại số tiền 6.030.600 (sáu triệu không trăm ba chục ngàn sáu trăm) đồng.

- Buộc ông Nguyễn Hoàng V nộp lại số tiền 330.000.000 (ba trăm ba mươi triệu) đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T trả lại số tiền lãi và tiền dịch vụ cho vay trái pháp luật cho người vay, sau khi trừ đi số tiền 20.000.000 đồng đã nộp, cụ thể là: Buộc bị cáo trả lại cho ông Nguyễn Hoàng V số tiền 142.969.000 (một trăm bốn mươi hai triệu chín trăm sáu chín ngàn) đồng.

Áp dụng điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo T không nộp lại số tiền thu lợi bất chính và không trả lại số tiền lãi và tiền dịch vụ cho vay trái pháp luật cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nêu trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhân:

- TAND TP HCM;
- Viện kiểm sát quận Gò Vấp;
- Công an quận Gò Vấp;
- Chi cục thi hành án quận Gò Vấp;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tường Linh

